

CÔNG CUỘC XÂY DỰNG CUNG CỐ BỘ MÁY HÀNH CHÍNH Ở HÀ NỘI VÀ MỘT SỐ ĐỊA PHƯƠNG MIỀN BẮC THỜI KỲ 1955-1960

NGUYỄN HUY CÁT*

Hiệp định Giơnevơ được ký kết ngày 21-7-1954, đánh dấu thắng lợi của quân và dân ta trong 9 năm trường kỳ kháng chiến. Nhiệm vụ đặt ra cho cách mạng Việt Nam trong “tình hình mới, nhiệm vụ mới” là nhanh chóng xây dựng miền Bắc trở thành hậu phương vững chắc cho cuộc đấu tranh thống nhất nước nhà. Để làm được những công việc đó, từ năm 1955 miền Bắc bước vào thời kỳ khôi phục kinh tế hàn gắn vết thương chiến tranh, bước đầu phát triển kinh tế văn hóa theo con đường xã hội chủ nghĩa. Cùng với hàng loạt những công việc bận bịu, công việc củng cố hệ thống chính trị, từng bước kiện toàn bộ máy hành chính từ trung ương tới địa phương đã nhanh chóng được triển khai.

Song song với công việc xây dựng củng cố bộ máy hành chính ở trung ương, Đảng và Nhà nước ta đã kịp thời có những quyết định để củng cố bộ máy hành chính ở địa phương cho phù hợp với tình hình mới.

Vài tháng sau khi hòa bình lập lại, xét thấy Ủy ban Kháng chiến Hành chính (UBKCHC) đã hoàn thành nhiệm vụ, Hội đồng Chính phủ đã ra thông báo quyết định đổi tên UBKCHC thành Ủy ban Hành

chính (UBHC). Trong thời gian tiến hành khôi phục kinh tế, hàn gắn vết thương chiến tranh (1955-1957) cũng như cải tạo quan hệ sản xuất cũ, xây dựng quan hệ sản xuất mới (1958 -1960), Đảng và Nhà nước đã ban hành nhiều Nghị quyết, Thông tư, Chỉ thị về việc chỉnh đốn và kiện toàn bộ máy hành chính các cấp, trong đó đặc biệt chú ý đến bộ máy hành chính cấp xã, cấp huyện. Nội dung và biện pháp chủ yếu của việc kiện toàn và chỉnh đốn là kiên quyết gạt bỏ những phần tử không đủ năng lực, phẩm chất, để bạt cán bộ tốt, làm cho bộ máy hành chính địa phương thực sự dân chủ, đảm đương được nhiệm vụ chính trị của mình. Tuy nhiên, đối với từng khu vực, địa bàn... do những yêu cầu khác nhau, Đảng và Nhà nước đã có những quy định cụ thể về công tác tổ chức bộ máy hành chính ở đây. Trong đó nổi lên việc tổ chức bộ máy hành chính ở các thành phố, thị xã và một số địa phương đồng bằng Bắc Bộ.

Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp thắng lợi, các thành phố, thị xã ở miền Bắc hoàn toàn giải phóng, nhiệm vụ đặt lên hàng đầu của toàn Đảng, toàn dân là nhanh chóng tiếp quản các thành phố, thị xã, xây dựng củng cố bộ máy chính quyền,

* Th.S. Khoa Lịch sử. Trường Đại học KHXH&NV - ĐHQGHN

phát triển sản xuất ổn định đời sống nhân dân.

Ngoài những quy định chung thể hiện ở Sắc luật số 004/SL về bầu cử Hội đồng Nhân dân (HĐND) và UBHC các cấp, Đảng, Nhà nước ta đã liên tiếp ra các văn bản hướng dẫn bổ sung cho phù hợp với từng đặc điểm địa phương. Đó là Chỉ thị của Ban bí thư số 52/CT/TW ngày 28-9-1957 về việc lãnh đạo bầu cử HĐND và UBHC các thành phố. Đó là Thông tư số 30/TC/TT của Bộ Nội vụ ngày 04-10-1957 về việc áp dụng các thể lệ bầu cử ở các thành phố. Thông tư Bộ Nội vụ số 6167/CQ, ngày 26-10-1957 về tổ chức chính quyền ở các thị trấn. Thông tư số 634/TTg của Thủ tướng Chính phủ về tổ chức chính quyền ở thành phố. Thông tư số 79/TC/CQ ngày 10-1958 của Bộ Nội vụ về tổ chức chính quyền ở các thị xã.

Nhìn chung, các thành phố thị xã miền Bắc để thực hiện nhiệm vụ tiếp quản, các Ủy ban quân chính (UBQC) đã được thành lập, có nhiệm vụ tổ chức tốt việc bảo vệ các thành phố vừa giải phóng, trấn áp bọn phản cách mạng. Sau khi công tác tiếp quản về cơ bản đã hoàn thành, ở những nơi này bắt đầu thành lập UBHC, mọi nhiệm vụ đều giao lại cho ủy ban này. Tuy nhiên ở một số nơi do điều kiện đặc biệt vẫn duy trì sự tồn tại của UBQC thêm một thời gian.

Tại Thủ đô Hà Nội, lúc đầu UBQC do đồng chí Vương Thừa Vũ làm Chủ tịch, dần dần mọi việc quản lý điều hành hoạt động thành phố được giao cho UBHC đảm nhiệm.

Ngày 4-11-1954, UBHC Thành phố được thành lập do đồng chí Trần Duy Hưng làm Chủ tịch. Hệ thống chính quyền cơ sở cũng được kiện toàn. Ngày 15-11-1954, Ban cán

sự ở 4 quận nội thành được thành lập. Dưới quận có các khu phố, lúc đầu cùng với việc tạm thời duy trì các khu trưởng cũ, thành phố đã lập các đội công tác hành chính khu để nắm tình hình, kịp thời phổ biến các chủ trương chính sách của Đảng đối với nhân dân. Với các xã ngoại thành, ta chỉ định ngay chính quyền mới. Mỗi thôn, do trưởng thôn phụ trách.

Tháng 9 năm 1955, Ban đại diện chính quyền khu phố được thành lập nhằm phù hợp với tình hình mới.

Nội thành chia làm 4 quận là: Quận 1, 2, 3, 4. Mỗi quận do Ban cán sự hành chính phụ trách. Dưới quận có 36 khu phố, dưới khu phố có các Ban đại biểu dân phố và ban bảo vệ dân phố là những tổ chức nhân dân lập ra để giải quyết những vấn đề thuộc về lợi ích chung, bổ cấp hành chính ngoại thành. Bốn quận: Quảng Bá, Cầu Giấy, Ngã Tư Sở, Quỳnh Lôi được chia thành 3 quận là: Quận 5, 6, 7. Quận Gia Lâm gọi là quận 8. Khu vực Chèm đến Khuyến Lương gồm 3 khu, lập thành quận 9.

Ngày 21-11-1957, các tầng lớp nhân dân Thủ đô tham gia bầu cử HĐND Thành phố. Đây là cuộc bầu cử đầu tiên sau ngày Thủ đô giải phóng. Trên 90% số cử tri đã đi bỏ phiếu. HĐND được bầu ra gồm 100 đại biểu đủ các ngành, các giới. HĐND đã bầu ra UBHC Thành phố gồm 11 vị (1).

Ngày 19, 20 tháng 3 năm 1958, UBHC mới đã họp và phân công như sau:

1. Ông Trần Duy Hưng - Chủ tịch
2. Ông Trần Danh Tuyên - Phó Chủ tịch
3. Ông Trần Văn Lai - Phó Chủ tịch, phụ trách chung và làm nhiệm vụ Thường trực của Ủy ban.

4. Ông Nguyễn Tiến Đức, ủy viên phụ trách khối kinh tế tài chính.

5. Ông Hồ Đắc Diêm, ủy viên, phụ trách vấn đề giáo dục

6. Ông Đặng Quang Sơn, ủy viên, phụ trách về y tế, cứu tế xã hội

7. Ông Lê Hữu Trân, ủy viên

8. Ông Bùi Hùng Gia, ủy viên

Trong phiên họp 1-1958, phiên họp HĐND Thành phố lần thứ I đã quyết định điều chỉnh lại hệ thống tổ chức chính quyền ở nội thành, bỏ cấp quận, chia lại khu phố.

Được Bộ Nội vụ chuẩn y theo Nghị định số 72/NĐ ngày 6-3-1958, UBHC Thành phố Hà Nội đã chia nội thành thành 12 đơn vị hành chính:

Bảng 1
12 đơn vị hành chính Tp. Hà Nội chia theo Nghị định số 72/NĐ (năm 1958)

Stt	Đơn vị	Số dân	Số hộ
1	Khu Trúc Bạch	26.678 người	5.930 hộ
2	Khu Ba Đình	17.818 người	4.009 hộ
3	Khu Văn Miếu	20.140 người	5.273 hộ
4	Khu Cửa Đông	21.193 người	4.479 hộ
5	Khu Hàng Đào	29.434 người	6.077 hộ
6	Khu Hàng Bông	22.491 người	4.552 hộ
7	Khu Hoàn Kiếm	18.670 người	3.898 hộ
8	Khu Hàng Cỏ	21.662 người	4.025 hộ
9	Khu Hai Bà	29.182 người	6.335 hộ
10	Khu Bảy Mẫu	21.048 người	4.456 hộ
11	Khu Ô Chợ Dừa	37.152 người	8.906 hộ
12	Khu Bạch Mai	25.444 người	6.131 hộ

9. Bà Nguyễn Khoa Diệu Hồng, ủy viên, phụ trách công tác phụ nữ nhi đồng.

10. Ông Nguyễn Bá Đoán, ủy viên, phụ trách công tác xây dựng chính quyền, công tác tổ chức và công tác nông thôn.

11. Ông Lê Văn Quý, ủy viên phụ trách công tác công an

Cùng với công việc xây dựng, kiện toàn chính quyền Thành phố, chính quyền cấp cơ sở (khu phố) cũng được từng bước tiến hành.

Mỗi khu có từ 2 vạn đến 3 vạn dân (trừ Ô Chợ Dừa). Trước kia, nội thành có 348 khối, nay còn 242 khối, trung bình mỗi khu có từ 16 đến 25 khối.

- Ở mỗi khu phố có Ban cán sự hành chính khu phố, số lượng mỗi Ban có từ 11 đến 13 người, trong đó có từ 3 đến 4 cán bộ thoát ly, 7 đến 10 cán bộ bán thoát ly. Tổng số Ban cán sự hành chính có 137 ủy viên, gồm 43 thoát ly và 94 bán thoát ly. Giúp việc Ban cán sự hành chính có một tổ văn phòng có từ 3 đến 4 người, thoát ly làm

công tác văn thư, đánh máy, giao thông, hộ tịch...

Song song với tổ chức Ban cán sự hành chính còn có khu công an, khu thuế vụ và khu y tế. Các tổ chức này, tùy tính chất công tác của mỗi khu, đặc điểm tình hình ở đó mà biên chế nhiều hay ít. Các khu chuyên môn này là cán bộ thoát ly hoàn toàn.

Theo báo cáo của Phòng Tổ chức cán bộ thuộc UBHC Thành phố Hà Nội thì tình hình biên chế và tổ chức của Thành phố như sau:

- UBHC có 263 người.

Gồm các phòng chuyên môn: Phòng Hành chính, Phòng Khánh tiết, Phòng Tổ chức cán bộ, Phòng Nhà cửa, Phòng Hộ tịch, Phòng Ngoại vụ (gần đây đã đổi thành Sở Ngoại vụ) Phòng Xã hội, Hợp tác xã mua bán, Văn phòng UBHC, Ủy ban kế hoạch, Ban Thống kê, Phòng Thể dục Thể thao...

- Tòa án nhân dân: 43 người

Gồm các bộ phận: Cấp phụ trách, Phòng Hành chính, Phòng chuyên môn.

Tòa án Sơ thẩm có 51 người gồm Cấp phụ trách, Phòng chuyên môn, Phòng Hành chính.

- Sở Văn hóa có 159 người gồm Phòng Hành chính, Đài truyền thanh Hà Nội, Phòng Văn hóa đại chúng, Phòng Văn nghệ, Phòng Triển lãm, Câu lạc bộ.

- Sở Y tế gồm 450 người có các Phòng Hành chính, Phòng chuyên môn, các Phòng khám bệnh, Đội y tế lưu động và Trường y tá.

- Sở Lao động: 37 người gồm bộ phận Ban giám đốc, Phòng Thống kê, Phòng Nhân học, Phòng Hành chính.

- Sở Công thương: 70 người gồm cấp phụ trách, Phòng Nghiệp vụ, Phòng Văn thư quản trị.

- Sở Tài chính: 127 người gồm Ban giám đốc, Phòng Hành chính, quản trị, nhân sự; Phòng Dự toán, kế toán tài sản; Phòng Quản lý hành chính; Phòng Sự nghiệp, Phòng Tập thu nhà cửa, Phòng Thuế nông nghiệp, bộ phận kiểm tra.

- Sở Trước bạ: 39 người gồm Ban giám đốc, Phòng Hành chính quản trị, Phòng Diên thổ, Phòng Trước bạ.

Địa chính: 79 người gồm cấp phụ trách, Phòng Hành chính, Phòng Công sản, Phòng Đo đạc, Phòng vẽ và in.

- Sở Dược: 50 người, gồm Ban phụ trách, Phòng Nghiệp vụ, Phòng Hành chính quản trị, các cửa hàng, Phòng Kế toán, Phòng Kiểm tra thu thuế.

- Phân Sở thuế vụ: 741 người gồm Ban phụ trách, Phòng Hành chính, Phòng Kỹ thuật chuyên môn, Phòng Nghiên cứu, Phòng Nghiệp vụ.

- Sở Thủy lợi kiến trúc: 1954 người gồm Ban giám đốc, Phòng Hành chính nhân viên, Phòng Công tác, Phòng Vận tải, Ty Kiến trúc, Ty Thủy lợi và Ty vệ sinh, xưởng máy, Ty kiến bộ.

- Sở Nông lâm: 240 người gồm Phòng Hành chính, Phòng Kỹ thuật.

- Chi nhánh Ngân hàng gồm:

Ban giám đốc, Phòng Kế toán, Phòng Quản lý lưu thông, Phòng Công thương nghiệp, Phòng Nông nghiệp, Phòng Nghiệp vụ tư nhân, Phòng Cán bộ, Phòng Kế hoạch, Phòng Tem phát, Phòng Hành chính, kho bạc, kiểm ngân lương thực.

- Sở giáo dục Hà Nội: 1197 người

Gồm Ban giám đốc, Phòng Tổ chức cán bộ, bộ phận thống kê kế hoạch, Phòng Hành chính, Phòng Bình dân học vụ, Phòng Tư thực, Phòng phổ thông cấp 1, 2, 3. Giáo viên cấp 1, 2, 3.

- Sở Vận tải: 42 người gồm Ban giám đốc, Phòng Hành chính, Phòng Chuyên môn...

Cùng với Hà Nội, Hải Phòng là thành phố có vị trí quan trọng ở vùng duyên hải Bắc Bộ, vùng tạm chiếm của thực dân Pháp trong 9 năm kháng chiến. Ngay sau hòa bình lập lại Đảng, Chính phủ coi công tác tiếp quản, xây dựng củng cố bộ máy chính quyền ở đây có ý nghĩa cực kỳ quan trọng.

Ngay từ những ngày đầu, được sự chỉ đạo của Trung ương, Hải phòng đã có sự chuẩn bị chu đáo cho công tác tiếp quản. Từ cuối năm 1954 đến 12-5-1955 là thời kỳ chuẩn bị tiếp quản. Hải Phòng đã chú ý xây dựng bộ máy tiếp quản, bố trí cán bộ cho bộ máy chính quyền. Từ 13-5-1955 đến hết tháng 6-1955, thời kỳ tiếp quản, Hải Phòng chú trọng theo dõi nắm cán bộ trong tiếp quản, tiến hành việc khen thưởng và kỷ luật để bảo đảm chính sách. Lưu dụng công chức và công nhân viên.

Cụ thể, khi bước vào tiếp quản, trên cơ sở chỉ đạo của Trung ương và rút kinh nghiệm từ Hà Nội, bộ máy tiếp quản của Hải Phòng có UBQC: 7 ủy viên và 5 khối: kinh tế, xí nghiệp lợi ích công cộng, nội chính, văn xã và quân sự gồm 27 ngành, 1 văn phòng - 10 cán bộ đại diện cho 10 khu phố và 1 bộ phận đại diện UBQC ngoại thành (Hải An).

Tính đến ngày vào tiếp quản Thành phố, biên chế bộ máy các ngành các cấp ở Hải Phòng có 3.488 cán bộ và công nhân viên.

Khi tiếp quản số cán bộ và công nhân viên biến động (chủ yếu trong các ngành kinh tế) nhưng nhanh chóng đi vào ổn định.

Ngày 25 đến 30-6-1955, UBNDHC Thành phố họp hội nghị liên tịch bàn công tác xây dựng củng cố chính quyền. Đặc biệt, từ cuối năm 1955, Hải Phòng bước vào thời kỳ khôi phục kinh tế hàn gắn vết thương chiến tranh, đồng thời cũng là lúc đẩy mạnh triển khai công tác xây dựng chính quyền, kiện toàn bộ máy hành chính, thành phố đã nhanh chóng triển khai Nghị định Số 595/NV/NĐ số 695/NV/NĐ của Bộ Nội vụ về xây dựng, củng cố bộ máy chính quyền ở Thành phố Hải Phòng (2).

Năm 1958, HĐND Thành phố Hải Phòng đã được bầu ra trên tinh thần dân chủ. Ngày 16-02-1958, Thủ tướng Chính phủ ra Nghị định số 116/TTg, công nhận UBHC Thành phố Hải Phòng đã được HĐND Thành phố bầu ra gồm 9 người (3).

Bảng 2: Danh sách các thành viên trong UBHC Tp. Hải Phòng

Stt	Tên	Chức vụ
1	Hoàng Hữu Nhâm	Chủ tịch
2	Tô Duy	Phó Chủ tịch
3	Vũ Trọng Khánh	Phó Chủ tịch
4	Nguyễn Văn Bút	Ủy viên
5	Nguyễn Văn Chất	Ủy viên
6	Đặng Lợi Hàm	Ủy viên
7	Trần Kiên	Ủy viên
8	Trịnh Thị Ngọc Tảo	Ủy viên
9	Phạm Văn Trại	Ủy viên

Việc kiện toàn củng cố bộ máy hành chính ở các thành phố, thị xã đặc biệt là Thủ đô Hà Nội có ý nghĩa to lớn trong công cuộc ổn định tình hình chính trị xã hội miền Bắc trong những năm đầu kháng chiến thành công.

Chống phong kiến thực hiện ruộng đất cho người nông dân là một trong những mục tiêu, nhiệm vụ của cách mạng Việt Nam. Trong thời kỳ kháng chiến, từ năm 1949 trở đi, Đảng, Nhà nước ta đã lãnh đạo và chỉ đạo nông dân từng bước thực hiện mục tiêu dân chủ. Đặc biệt khi bước vào cuộc chiến Đông - Xuân 1953- 1954, Đảng ta đã quyết định phóng tay phát động quần chúng thực hiện giảm tô và cải cách ruộng đất, cùng với giảm tô và từng bước cải cách ruộng đất là công tác chỉnh đốn tổ chức. Tính đến tháng 7-1956, dưới sự lãnh đạo của Đảng, nông dân đã thực hiện 5 đợt cải cách ruộng đất và 8 đợt giảm tô. Theo đánh giá của Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá X "với cuộc vận động này đã căn bản hoàn thành nhiệm vụ phản phong kiến ở miền Bắc" (4).

Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện giảm tô cải cách ruộng đất và chỉnh đốn tổ chức, Đảng và Nhà nước ta đã mắc những sai lầm khuyết điểm, nhất là đợt 4, đợt 5 cải cách ruộng đất và đợt 7, đợt 8 giảm tô và thoái tô.

Giữa đợt 5 - đợt cải cách ruộng đất cuối cùng vào mùa Hè năm 1956, Đảng ta bắt đầu phát hiện ra những sai lầm khuyết điểm trong chỉnh đốn tổ chức cũng như cải cách ruộng đất. Trung ương Đảng đã có những chỉ thị kết hợp với những bước cuối của đợt cải cách ruộng đất để tiến hành kiểm tra, sửa chữa những sai lầm khuyết điểm.

Tháng 10-1956, Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã họp Hội nghị Trung ương lần thứ X. Hội nghị đã kiểm điểm, đánh giá kết quả và nêu ra phương châm "kiên quyết sửa chữa sai lầm trong cải cách ruộng đất và chỉnh đốn tổ chức" (5).

Về mặt chính quyền, Hội nghị Trung ương lần thứ X của Đảng quyết định "Củng cố và phát triển chính quyền dân chủ của ta" "Đảm bảo quyền tự do dân chủ của nhân dân, thực hiện chế độ pháp luật dân chủ, đồng thời bảo vệ an ninh trật tự xã hội" "Tiến thêm một bước dân chủ hóa bộ máy Nhà nước" "Bầu lại Hội đồng nhân dân và UBHC xã, chuẩn bị bầu lại Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố, UBHC huyện, tỉnh, thành phố" "Nghiên cứu thể lệ bầu cử thích hợp thể hiện đúng chính sách mặt trận của ta". "Nghiên cứu xây dựng lại hệ thống toà án, đặt cơ quan kiểm soát của Nhà nước và chế độ kiểm tra đối với các cơ quan nắm nhiều quyền hành" (6).

Trung tuần tháng 8-1956, Chủ tịch Hồ Chí Minh thay mặt Đảng và Nhà nước gửi thư đến đồng bào nông thôn và cán bộ nhân dịp cải cách ruộng đất ở miền Bắc đã cơ bản hoàn thành. Người đã nêu lên những thắng lợi to lớn trong cải cách ruộng đất cũng như trong chỉnh đốn tổ chức, đồng thời cũng nghiêm khắc chỉ ra những sai lầm khuyết điểm trong công tác này.

Nghị quyết Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương khoá X và thư của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã định hướng cho toàn bộ quá trình xây dựng, củng cố chính quyền ở nông thôn miền Bắc từ cuối năm 1956.

Để cụ thể hóa chủ trương của Đảng, ngày 8-4-1957, Ban Bí thư Trung ương Đảng ra Chỉ thị số 15/CTTU của bước ngắn hai sửa sai. Ngày 12-8-1957, Ban Bí thư Trung ương ra tiếp Chỉ thị hướng dẫn bước ba sửa sai. Chỉ thị có nêu rõ: "Không đặt vấn đề phân công lại trong UBHC để tránh xáo trộn, chú trọng về lề lối làm việc và lãnh đạo, định ranh giới công tác chính quyền với công tác xã hội" (7).

Quán triệt những chủ trương mới của Đảng, ở các địa phương miền Bắc, các cấp chính quyền đã tích cực thực hiện công tác sửa sai, củng cố chính quyền dân chủ nhân dân.

Chẳng hạn, tại Hải Dương vùng tạm chiếm đồng bằng Bắc Bộ, khi bước vào giảm tô và cải cách ruộng đất, số ủy viên các huyện có 54 ủy viên, thành phần: 10 tiểu tư sản, 25 trung nông + 16 bản nông + 2 công nhân + 1 công thương. Trong đó có 7 chủ tịch + 5 phó chủ tịch và 42 ủy viên. Sự hoạt động của Ủy ban này nói chung đều tích cực và chấp hành mọi chủ trương chính sách của Đảng và uy tín với nhân dân. Sau đó trên điều động một số lớn ủy viên đi tham gia giảm tô, cải cách (8).

Đến giảm tô số ủy viên huyện toàn tỉnh chỉ còn 14 người gồm 2 chủ tịch, 1 phó chủ tịch và 11 ủy viên. Như vậy mỗi huyện chỉ còn 1, 2 ủy viên (bình quân).

Khi phát hiện sai lầm trong cải cách ruộng đất và chấn chỉnh tổ chức, các huyện bắt đầu rút một số ủy viên đi giảm tô và cải cách trở về. Các huyện đã tổ chức cho cán bộ học tập thư của Hồ Chủ tịch, Nghị quyết Trung ương lần thứ 10, làm cho cán bộ Đảng viên ai nấy đều thông suốt với chủ trương chính sách của Đảng.

Huyện đã tổ chức lễ minh oan và tuyên bố trả lại công quyền chức vụ cũ cho cán bộ, đồng thời, giải quyết những thắc mắc tồn tại của quần chúng, cán bộ, sau đó tiến hành kiện toàn bổ sung, sắp xếp lại bộ máy chính quyền.

Phương pháp tiến hành kiện toàn: Tỉnh đã triệu tập mỗi huyện một đại biểu đi tập huấn, học tập về mục đích yêu cầu của việc kiện toàn sắp xếp tổ chức. Sau đó, các huyện về nghiên cứu triển khai tiến hành.

Kết quả cấp huyện đã đề bạt được 9 chủ tịch, 10 phó chủ tịch và 24 ủy viên. Thành phần gồm có: 18 tiểu tư sản + 12 trung nông + 11 bản nông + 1 công nhân + 1 công thương.

Về phân loại cán bộ: Tổng số ủy viên, UBHC huyện gồm 71 người

Số khá: 13

Số trung bình: 50

Số kém: 8

Về phân loại các huyện:

- Huyện khá: Gia Lộc, Nam Sách, Chí Linh, Thanh Hà, Bình Giang.

Huyện trung bình: Tứ Kỳ, Kinh Môn, Kim Thanh, Thị xã Hải Dương và Thị xã Ninh Giang.

- Huyện kém: Cẩm Giàng, Thanh Miện, Ninh Giang.

Qua các bước công tác sửa sai ta đã tiến hành kiện toàn được 246 xã.

Ủy viên trong cải cách ruộng đất là: 1.742 người.

Vận động ra và chuyển công tác là: 395 người.

Số ủy viên từ chức và xin nghỉ: 471 người.

Số ủy viên cách chức: 6 người.

Số ủy viên xây dựng trong giảm tô cải cách còn lại: 70 người.

Số ủy viên cũ phục hồi đưa vào ủy ban: 576 người.

Số ủy viên bổ sung: 631 người.

Tổng số ủy viên của 246 xã là: 2.077 người.

Thành phần bản nông: 1.214 người.

Trung nông : 769 người.

Lao động khác: 14 người.

Tuy nhiên, trong quá trình đề bạt, chấn chỉnh bổ sung không tránh khỏi những sai lầm khuyết điểm dẫn đến thắc mắc của cán bộ nhân dân. Những thắc mắc khiếu nại này đã nhanh chóng được giải quyết (như huyện Kinh Môn, Gia Lộc, Thanh Miện) (9).

Nhìn chung công cuộc xây dựng bộ máy hành chính ở miền Bắc nói chung và ở một số thành phố, thị xã và địa phương đồng bằng Bắc Bộ nói riêng thời kỳ đầu gặp nhiều khó khăn do cán bộ còn ít kinh nghiệm, do chưa thích ứng kịp thời từ chiến tranh chuyển sang hòa bình, do trình độ dân trí còn hạn chế, hơn nữa các thành phố thị xã và đồng bằng Bắc Bộ là nơi tạm chiếm của địch trong những năm kháng chiến... Chính vì vậy, ba năm đầu (1955-1957), bộ máy hành chính chưa thực sự ổn định và phát huy được sức mạnh.

Từ năm 1958 trở đi, cùng với xây dựng bộ máy nhà nước nói chung, công tác xây dựng củng cố bộ máy hành chính nói riêng đòi hỏi có những bước chuyển biến mạnh mẽ. Tháng 4-1958, Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã ra Nghị quyết về vấn đề kiện toàn tổ chức, chấn chỉnh biên chế và điều chỉnh cán bộ. Nghị quyết nêu rõ: "Kiện toàn Chính phủ trung ương và các cấp UBHC tỉnh, huyện, xã trước hết là cấp trung ương và cấp tỉnh, làm cho các cơ quan chính quyền các cấp có đủ khả năng và uy tín là công cụ chủ yếu của Đảng để thực hiện những nhiệm vụ của thời kỳ quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội" (10).

Ngày 10-6-1958, Ban Bí thư Trung ương Đảng ra Thông tri số 360/VP/TW, nhắc nhở chú ý một số điều trong kiện toàn tổ chức, chấn chỉnh biên chế và điều chỉnh cán bộ.

Ngày 12-6-1958, Ban Bí thư Trung ương Đảng lại ra tiếp Chỉ thị số 86/CT/TW về điều chỉnh, sắp xếp cán bộ trong dịp kiện toàn tổ chức.

Về chính quyền địa phương ngày 14-6-1958, Ban Bí thư ra Chỉ thị số 88/CT/TW về kiện toàn chính quyền địa phương. Chỉ thị đặc biệt quan tâm về sự lãnh đạo của Đảng đối với chính quyền và nêu ra một số điểm cần lưu ý để cho việc kiện toàn chính quyền đạt kết quả tốt hơn.

Để công tác kiện toàn chính quyền địa phương đi vào nề nếp, tại kỳ họp thứ 8 Quốc hội khoá I (4-1958), Quốc hội đã thông qua *Luật tổ chức chính quyền địa phương*. *Luật tổ chức chính quyền địa phương* gồm 5 Chương 43 Điều. Luật định rõ chính quyền địa phương được tổ chức như sau: Các khu tự trị, các thành phố trực thuộc trung ương, tỉnh, châu, thành phố trực thuộc tỉnh, thị xã, thị trấn có HĐND và UBHC. Các huyện có UBHC. Các khu phố ở các thành phố và thị xã lớn có ban hành chính khu phố. Các thành phố có thể chia thành các khu phố có HĐND và UBHC. Điều kiện thành lập khu phố có HĐND và UBHC do Hội đồng Chính phủ quy định. *Luật tổ chức chính quyền địa phương* cũng quy định rõ tổ chức chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, quan hệ và nội dung của HĐND và UBHC các cấp một cách thống nhất. Như vậy, tiếp theo luật bầu cử HĐND và UBHC các cấp, việc thông qua luật tổ chức chính quyền địa phương có ý nghĩa vô cùng quan trọng nhằm củng cố hệ thống chính quyền nhà nước, tạo cơ sở pháp lý cho UBHC các cấp hoạt động hiệu quả hơn, làm tròn nhiệm vụ trong giai đoạn mới.

Cuộc bầu cử HĐND và UBHC các cấp tỉnh, huyện, xã đầu năm 1959 là một cuộc vận động chính trị rộng lớn. 94,7% số cử tri

tham gia bầu cử HĐND xã, 87,5% số cử tri tham gia bầu cử HĐND tỉnh, có nơi 100% số cử tri bỏ phiếu. 5.016 xã và 53 thị trấn ở miền Bắc đã bầu 121.430 ủy viên HĐND xã. 26 tỉnh và thủ đô Hà Nội, Hải Phòng đã bầu 1.905 ủy viên HĐND tỉnh và thành phố. Sau khi được bầu, HĐND tỉnh và xã đã bầu ra UBHC tỉnh, huyện, xã. Bộ máy hành chính ở các địa phương được chấn chỉnh, kiện toàn một bước, đáp ứng yêu cầu của tình hình cách mạng mới.

Ngày 31-12-1959, Hiến pháp mới của nước

Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã được thông qua, với 18 Điều (Điều 78 đến 96) về bộ máy chính quyền địa phương, đánh dấu bước phát triển mới trong công cuộc xây dựng bộ máy hành chính nói chung và bộ máy hành chính địa phương nói riêng.

Công cuộc xây dựng củng cố bộ máy hành chính ở các địa phương miền Bắc thời kỳ 1955-1960 là những kinh nghiệm thực tiễn bổ ích cho công cuộc cải cách bộ máy hành chính ở Việt Nam hiện nay.

CHÚ THÍCH

(1). Hồ sơ số 6 (1958) - Thành phố Hà Nội - Phòng Bộ Nội vụ - Trung tâm Lưu trữ Quốc gia III.

(2). Công báo số 48, tr. 892.

(3). Công báo số 56, tr. 1022.

(4). Văn kiện Đảng, tập 17. Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2002, tr. 539.

(5). Văn kiện Đảng, tập 17. Sđd, tr. 613.

(6). Văn kiện Đảng, tập 17. Sđd, tr. 467.

(7). Văn kiện Đảng, tập 18. Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2002, tr. 547.

(8). Phòng Hồ sơ số 1227. Bộ Nội vụ. Trung tâm Lưu trữ Quốc gia III.

(9). Phòng Bộ Nội vụ hồ sơ số 1206. Trung tâm Lưu trữ Quốc gia III.

(10). Văn kiện Đảng, tập 19 - Năm 1958. Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2002, tr. 126.

